

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 28/Daesang/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

E-mail: rdmiwon@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận 17/03/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn lần thứ 5 vào ngày 03/03/2025.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **HẠT NÊM VUA BẾP**

2. Thành phần:

Muối, đường, tinh bột sắn, maltodextrin, đường mạch nha, chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tinh bột ngô, bột thịt và bột xương & tủy (0,16%), hương liệu: hương thịt tự nhiên và tổng hợp, chất tạo màu tổng hợp (INS160a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (INS955), bột hành, bột tỏi.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 18 tháng

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì của sản phẩm .

+ Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: Phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế

+ Chất liệu bao gói: PET/OPP/AL/PE/LLDPE, hoặc các chất liệu khác phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế

+ Bao bì trung gian và bao bì ngoài: Bao PP hoặc hộp carton

- Quy cách bao gói: 5 g; 8 g; 10 g; 25 g; 50 g; 65 g; 100 g; 150 g; 200 g; 250 g; 300 g; 350 g; 400 g; 450 g; 500 g; 600 g; 700 g; 800 g; 900 g; 1 kg; 1,5 kg; 2 kg; 2,5 kg; 3 kg; 3,5 kg; 5 kg; 10 kg; 15 kg; 20 kg; 25 kg; 30 kg; 50 kg hoặc thay đổi tùy theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên bao bì.

5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:



* Hướng dẫn sử dụng:

Món canh: 2~3 muỗng (thìa) nhỏ cho 1 lít nước

Món kho: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá

Món xào: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 600 g rau củ

Uống: 1 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá

(1 muỗng (thìa) nhỏ = 3~4 g)

* Đối tượng sử dụng: Tất cả các đối tượng khách hàng

* Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp. Đóng kín gói trong quá trình sử dụng

6. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

7. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Có mẫu nhãn sản phẩm kèm theo

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hạt, kích thước đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (là yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	80 ~ 121
2	Carbohydrat	g/100g	17,9 ~ 27,1
3	Chất đạm	g/100g	2 ~ 2,96
4	Chất béo	g/100g	< 1
5	Hàm lượng đường tổng	g/100g	8,5 ~ 13

6	Tro không tan trong HCl 10%	%	< 0,1
7	Độ ẩm	%	< 5
8	Hàm lượng muối (NaCl)	%	57 ~ 85
9	Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	23360 ~ 35000

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10 ²
3	E.coli	MPN/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10 ²
5	Salmonella	/25g	0
6	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 ²

4. Hàm lượng kim loại nặng: (Theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	5,0
2	Chì (Pb)	mg/kg	2
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0

5. Hàm lượng độc tố vi nấm: (Theo QCVN 8-1:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	30

1-1
 1-2
 1-3
 1-4
 1-5
 1-6
 1-7
 1-8
 1-9
 1-10
 1-11
 1-12
 1-13
 1-14
 1-15
 1-16
 1-17
 1-18
 1-19
 1-20
 1-21
 1-22
 1-23
 1-24
 1-25
 1-26
 1-27
 1-28
 1-29
 1-30
 1-31
 1-32
 1-33
 1-34
 1-35
 1-36
 1-37
 1-38
 1-39
 1-40
 1-41
 1-42
 1-43
 1-44
 1-45
 1-46
 1-47
 1-48
 1-49
 1-50
 1-51
 1-52
 1-53
 1-54
 1-55
 1-56
 1-57
 1-58
 1-59
 1-60
 1-61
 1-62
 1-63
 1-64
 1-65
 1-66
 1-67
 1-68
 1-69
 1-70
 1-71
 1-72
 1-73
 1-74
 1-75
 1-76
 1-77
 1-78
 1-79
 1-80
 1-81
 1-82
 1-83
 1-84
 1-85
 1-86
 1-87
 1-88
 1-89
 1-90
 1-91
 1-92
 1-93
 1-94
 1-95
 1-96
 1-97
 1-98
 1-99
 1-100

*** Hàm lượng các chất phụ gia nằm trong giới hạn cho phép (Theo thông tư 24/2019/TT-BYT)**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Phòng, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**



Miwon

Hạt nêm Vua bếp Miwon được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến của Hàn Quốc, giúp món ăn thêm vị ngọt đậm chất ngon.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

(1 muỗng (thìa) nhỏ = 3~4 g)



MÓN CANH:
2 ~ 3 muỗng (thìa) nhỏ
cho 1 lít nước.



MÓN KHO:
2 muỗng (thìa) nhỏ cho
500 g thịt, cá.



ỨỚP:
1 muỗng (thìa) nhỏ cho
500 g thịt, cá.



THÀNH PHẦN:

Muối, đường, tinh bột sắn, maltodextrin, đường mạch nha, chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tinh bột ngô, bột thịt và bột xương & tủy (0,16%), hương liệu: hương thịt tự nhiên và tổng hợp, chất tạo màu tổng hợp (INS160a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (INS955), bột hành, bột tỏi.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp. Đóng kín gói trong quá trình sử dụng.

THÔNG TIN CẢNH BÁO:

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 G	Năng lượng (kcal)	Carbohydrat (g)	Chất đạm (g)	Chất béo (g)	Natri (Na) (mg)	Đường tổng số (g)
	80 ~ 121	17,9 ~ 27,1	2 ~ 2,96	< 1	2380 ~ 3500	8,5 ~ 13

HSD: 18 tháng kể từ NSX

NSX:

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM

Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

(TƯ VẤN NHẬP NHÃN: (024) 3768 0563)

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG
Lô 10.1 đường số 1, Khu công nghiệp Cẩm Diên - Lương Diên, xã Cẩm Giang,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số tự công bố: 28/Daasang/2025

Xuất xứ: Việt Nam

Barcode

DAESANG



Miwon

DAESANG

Hạt Nêm
Vua Bếp

Cho bếp
chuyên
nghiệp

Nêm ngọt, ướp ngon!

Khối lượng tịnh:

kg



Miwon



Hạt Nêm Vua bếp

Cho bếp
chuyên
ngiệp



Nêm ngọt, ướp ngon!

Khối lượng tịnh: KG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Món canh: 2 ~ 3 muỗng (thìa) nhỏ cho 1 lít nước.

Món kho: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá.

Món xào: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 600 g rau củ.

Uớp: 1 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá.

* (1 muỗng (thìa) nhỏ = 3~4 g)

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.

Đóng kín gói trong quá trình sử dụng.

THÔNG TIN CẢNH BÁO:

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

HSD: 18 tháng kể từ NSX

NSX:

THÀNH PHẦN:

Muối, đường, tinh bột sắn, maltodextrin, đường mạch nha, chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tinh bột ngô, bột thịt và bột xương & tủy (0,16%), hương liệu: hương thịt tự nhiên và tổng hợp, chất tạo màu tổng hợp (INS160a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (INS955), bột hành, bột tỏi.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 G

Năng lượng (kcal)	Carbohydrat (g)	Chất đạm (g)	Chất béo (g)	Natri (Na) (mg)	Dường tổng số (g)
80 ~ 121	17,9 ~ 27,1	2 ~ 2,96	< 1	23360 ~ 35000	8,5 ~ 13

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM
Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Sản xuất tại:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG
Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giang,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số tự công bố: 28/Daesang/2025

Xuất xứ: Việt Nam

Barcode



AR-25-VD-021882-01-VI / EUVNHC-00318221- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng

Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22502060067-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00017614

Mã số Eol :

005-32410-399991

Tên mẫu :

HẠT NÊM VUA BẾP

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong túi nhôm

Ngày nhận mẫu :

06/02/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/02/2025

Thời gian thử nghiệm :

07/02/2025 - 13/02/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.5x10 ⁴
5	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.68
8	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	12.55
9	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	%	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	72.0
10	VD115 VD (a) Tro không tan trong acid HCl 10%	%	EVN-R-RD-2-TP-3535 (2019) (Ref. AOAC 920.46)	0.05
11	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.12
12	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	73.3
13	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	29200
14	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
16	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)



AR-25-VD-021882-01-VI / EUVNHC-00318221- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00017614

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
18	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
21	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	22.3
22	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.3)
23	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	2.49
24	VD9T0 VD (m) Năng lượng (bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	100

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà NộiLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 03/03/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 03/03/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Bảo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

